

Mẫu CBTT/SGDHCM-06

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/07/2013 của
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

**CTCP VẬN TẢI VÀ
XẾP DỠ HẢI AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2207-2021/CBTT-HATS

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**
Mã chứng khoán **HAH**
Địa chỉ trụ sở chính **Tầng 7, số 45, Phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**
Điện thoại **024.39877515**
Fax **024.39444022**
Người thực hiện công bố thông tin **Nguyễn Ngọc Minh**
Địa chỉ: **Tầng 3, tòa nhà Hải An, km2 đường Đình Vũ, P. Đông Hải, Q. Hải An, TP. Hải Phòng**
Số điện thoại công ty **0225.3979721**
Fax **0225.3979718**
Loại thông tin công bố 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

"Báo cáo Tài chính Hợp nhất Quý II năm 2022" của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/7/2022 tại đường dẫn www.haiants.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo Tài chính Hợp nhất Quý II năm 2022

Người được ủy quyền công bố thông tin

Nguyễn Ngọc Minh

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2022

BẢN GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KQKD QUÝ 2 NĂM 2022

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tổ chức niêm yết: **Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An**

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Mã chứng khoán: **HAH**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0103818809 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/05/2009 và cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 01/07/2022.

Chúng tôi xin giải trình kết quả kinh doanh Quý 2 năm 2022 biến động tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm 2021 như sau:

Nội dung	Quý 2.2022	Quý 2.2021	Tăng/giảm
BCTC hợp nhất			
- Doanh thu thuần	929,221,008,140	449,266,808,575	106.83%
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	239,691,342,691	82,343,645,681	191.09%
BCTC công ty mẹ			
- Doanh thu thuần	369,353,770,281	199,090,870,841	85.52%
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	169,138,066,287	81,832,452,897	106.69%

Nguyên nhân:

+ Công ty đầu tư thêm tàu HA East và HA West vào tháng 4 và tháng 5/2021 dẫn đến số lượng tàu quý 2 năm nay nhiều hơn quý 2 năm trước.

+ Giá cước vận tải nội địa tăng, giá cho thuê tàu tăng mạnh và số tàu cho thuê kỳ này cũng nhiều hơn.

+ Lợi nhuận ghi nhận từ các công ty liên kết cũng tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước.

Chúng tôi cam đoan những thông tin giải trình trong bản này là chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2022

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Hà Nội, tháng 07 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ II

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,634,107,409,610	1,287,237,970,137
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	539,179,692,460	484,732,416,770
1. Tiền	111		380,158,412,460	207,481,206,770
2. Các khoản tương đương tiền	112		159,021,280,000	277,251,210,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		241,649,610,318	87,372,980,427
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	241,649,610,318	87,372,980,427
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		722,600,349,140	633,042,082,092
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	285,307,665,232	233,995,316,855
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	189,099,042,935	209,432,319,623
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	50,000,000,000	37,000,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	200,160,547,417	154,660,539,929
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(1,966,906,444)	(2,046,094,315)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		85,330,423,595	48,419,634,267
1. Hàng tồn kho	141	V.8	85,330,423,595	48,419,634,267
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		45,347,334,097	33,670,856,581
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	36,548,488,512	12,069,586,908
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8,798,845,585	21,601,269,673
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2,701,558,811,621	1,945,107,403,834
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		106,484,150,000	74,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	106,484,150,000	74,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2,162,264,281,152	1,535,890,707,186
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1,780,834,189,301	1,292,856,919,590
<i>Nguyên giá</i>	222		2,690,274,998,452	2,105,356,805,779
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(909,440,809,151)	(812,499,886,189)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	377,748,187,562	239,098,531,863
<i>Nguyên giá</i>	225		439,180,122,735	267,489,773,742
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(61,431,935,173)	(28,391,241,879)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	3,681,904,289	3,935,255,733
<i>Nguyên giá</i>	228		13,554,927,885	13,554,927,885
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9,873,023,596)	(9,619,672,152)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		7,635,119,123	6,568,959,439
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	7,635,119,123	6,568,959,439
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		182,721,273,320	147,761,760,195
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	162,270,406,820	127,310,893,695
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	20,450,866,500	20,450,866,500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		242,453,988,026	254,811,977,014
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	242,453,988,026	254,811,977,014
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4,335,666,221,231	3,232,345,373,971

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀ AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,954,911,855,377	1,330,315,411,554
I. Nợ ngắn hạn	310		836,320,991,239	620,603,862,899
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	133,064,306,641	78,861,911,406
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	8,595,951,526	763,856,819
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	128,159,534,800	53,140,818,010
4. Phải trả người lao động	314		28,707,410,490	28,715,046,180
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	32,638,000,102	28,861,733,938
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	12,140,763,873	15,181,295,259
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	150,906,102,959	142,815,441,175
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	269,157,745,983	233,809,277,118
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	2,648,342,710	2,648,342,710
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	70,302,832,155	35,806,140,284
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1,118,590,864,138	709,711,548,655
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	211,000,000,000	151,000,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	907,590,864,138	558,711,548,655
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,380,754,365,854	1,902,029,962,417
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	2,380,754,365,854	1,902,029,962,417
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		682,958,170,000	487,827,510,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		682,958,170,000	487,827,510,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191,640,648,159	191,640,648,159
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		390,548,782,591	280,492,385,617
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		643,067,541,110	591,761,088,614
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		203,433,001,246	591,761,088,614
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		439,634,539,864	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		472,539,223,994	350,308,330,027
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4,335,666,221,231	3,232,345,373,971

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2022

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ II

(Dạng đầy đủ)

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	929,221,008,140	449,266,808,575	1,581,672,211,176	808,273,127,270
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		929,221,008,140	449,266,808,575	1,581,672,211,176	808,273,127,270
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	495,205,225,043	308,137,468,765	807,676,360,642	570,373,236,199
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		434,015,783,097	141,129,339,810	773,995,850,534	237,899,891,071
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15,766,004,596	6,822,989,717	19,596,506,103	10,567,461,270
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	15,169,364,732	8,397,435,662	24,688,041,266	14,887,954,193
Trong đó: chi phí lãi vay	23		14,362,524,315	8,310,138,182	23,621,698,036	14,698,849,029
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		8,459,315,139	3,435,516,975	17,959,513,125	5,824,060,858
9. Chi phí bán hàng	25					
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	27,636,878,902	23,394,727,648	51,263,074,329	40,110,759,507
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		415,434,859,198	119,595,683,192	735,600,754,167	199,292,699,499
12. Thu nhập khác	31	VI.6	117,830,478	(827,997,025)	320,039,769	21,196,338,332
13. Chi phí khác	32	VI.7	19,228,248,820	2,370,603,405	19,278,789,144	2,374,140,631
14. Lợi nhuận khác	40		(19,110,418,342)	(3,198,600,430)	(18,958,749,375)	18,822,197,701
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		396,324,440,856	116,397,082,762	716,642,004,792	218,114,897,200
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	71,902,379,584	18,714,682,788	129,538,158,484	34,917,797,997
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		324,422,061,272	97,682,399,974	587,103,846,308	183,197,099,203
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		239,691,342,691	82,343,645,681	439,634,539,864	149,142,664,614
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		84,730,718,581	15,338,754,293	147,469,306,444	34,054,434,589
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	2,298	1,585	6,134	2,843
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	2,298	1,585	6,134	2,843

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2022

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Tổng giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ II

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		716,642,004,792	218,114,897,200
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		121,886,775,668	68,033,896,378
- Các khoản dự phòng	03		(79,187,871)	524,692,569
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.9	(1,261,775,507)	(290,483,714)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13,035,489,723)	(27,590,129,344)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	23,621,698,036	14,698,849,029
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		847,774,025,395	273,491,722,118
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(149,290,262,155)	(58,847,869,828)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(36,910,789,328)	(22,966,179,943)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		164,170,545,766	93,872,593,973
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(12,120,912,616)	13,377,740,033
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19,460,883,830)	(13,591,104,600)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(81,657,689,918)	(21,478,241,176)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(5,300,000,000)	(4,315,400,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		707,204,033,314	259,543,260,577
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(819,176,866,150)	(421,154,702,650)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	52,463,381,057
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(261,550,328,521)	(34,880,300,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		94,273,698,630	63,031,789,960
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(17,000,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12,691,537,545	7,603,854,823
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(990,761,958,496)	(332,935,976,810)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.21	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	538,723,535,519	217,295,519,087
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(123,455,134,461)	(72,002,405,674)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(32,394,806,750)	(2,955,704,351)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(47,445,464,000)	(64,867,187,550)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		335,428,130,308	77,470,221,512
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		51,870,205,126	4,077,505,279
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	484,732,416,770	221,024,298,549
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2,577,070,564	(157,463,008)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	539,179,692,460	224,944,340,820

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2022

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5c. *Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (*)	Tầng 2, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ đại lý	50%	50%	50%	50%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Phòng 502 tầng 5, tòa nhà 133 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Dịch vụ vận tải hàng hóa	36,89%	36,89%	36,89%	36,89%
Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên (**)	Lô đất KB2.11, khu công nghiệp MP Đinh Vũ, P.Đông Hải 2, Q.Hải An, TP.Hải Phòng, VN	Dịch vụ vận tải	17,17%	17,17%	34%	34%

(*) Là Công ty liên kết của Công ty con – Công ty TNHH Cảng Hải An

(**) Là Công ty liên kết của Công ty con – Công ty TNHH vận tải Container Hải An

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 477 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 470 nhân viên).

II. **NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. **CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀ AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định đối với nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀ AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (498 tháng).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-20
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	6-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5
Tài sản cố định khác	4-10

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính là container là 05 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2,369,540,050	1,747,324,634
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	377,788,872,410	205,733,882,136
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	159,021,280,000	277,251,210,000
Cộng	539,179,692,460	484,732,416,770

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An ⁽ⁱ⁾	12,500,000,000	40,557,647,468	53,057,647,468	12,500,000,000	29,704,129,604	42,204,129,604
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (ii)	1,494,000,000	22,058,986,216	23,552,986,216	1,494,000,000	15,612,764,091	17,106,764,091
Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên (iii)	85,000,000,000	659,773,136	85,659,773,136	68,000,000,000	-	68,000,000,000
Cộng	98,994,000,000	63,276,406,820	162,270,406,820	81,994,000,000	45,316,893,695	127,310,893,695

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy đăng ký thuế số 0201244461 thay đổi lần thứ ba ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty TNHH Cảng Hải An đầu tư vào Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An 12.500.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Công ty con đã đầu tư đủ theo đăng ký, không thay đổi so với số đầu năm. Trong đó, vốn góp ban đầu là 5.000.000.000 VND, tăng vốn góp từ lợi nhuận được chia là 7.500.000.000 VND.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108111428 thay đổi lần thứ 3 ngày 30/06/2021, Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An là 8.100.000.000 VND, tương ứng 810.000 cổ phần. Công ty sở hữu 298.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (HAFC), chiếm 36,89% vốn điều lệ của Công ty này.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0202133595 thay đổi lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty Cổ phần Vận tải Biển An Biên có vốn điều lệ là 250.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty TNHH vận

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tải container Hải An đã đầu tư 85.000.000.000 VND, sở hữu 8.500.000 cổ phần, tương đương 34% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải Biển An Biên.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Góp vốn trong kỳ	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	42,204,129,604	-	13,353,517,864	(2,500,000,000)	53,057,647,468
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	17,106,764,091		7,492,022,125	(1,045,800,000)	23,552,986,216
Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên	68,000,000,000	17,000,000,000	659,773,136	-	85,659,773,136
Cộng	127,310,893,695	17,000,000,000	21,505,313,125	(3,545,800,000)	162,270,406,820

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	46,852,331,766	24,517,644,068
Sử dụng dịch vụ đại lý	4,477,509,091	2,482,084,202
Chi trả lợi nhuận BCC	18,293,273,982	3,397,647,176
Công ty liên kết chia lợi nhuận		1,875,000,000
Nhận góp vốn BCC	6,000,000,000	5,000,000,000
Chia lãi góp vốn cho cty liên kết	2,900,000,000	2,900,000,000
Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên		
Cung cấp dịch vụ cho cty liên kết	17,277,156,079	
Công ty liên kết cung cấp dịch vụ	32,350,500,000	
Góp vốn vào Công ty liên kết	85,000,000,000	
Nhận góp vốn BCC	13,000,000,000	
Góp vốn BCC vào công ty liên kết	106,410,150,000	
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An		
Góp vốn vào Công ty liên kết		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	91,787,138,877	61,070,773,142
Công ty liên kết cung cấp dịch vụ	10,900,485,742	20,588,260,960
Nhận góp vốn BCC		
Chi trả lợi nhuận BCC	7,430,922,884	
Công ty liên kết chia lợi nhuận	1,045,800,000	747,000,000

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức (*)	20,000,000,000	-	20,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	450,000,000	-	450,000,000	-
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864,000	-	864,000	-
Công ty Cổ phần MHC	2,500	-	2,500	-
Cộng	20,450,866,500	-	20,450,866,500	-

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105430472 thay đổi lần thứ 11 ngày 02/11/2021 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp với số vốn điều lệ 120.000.000.000 VND, Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức số tiền 20.000.000.000 VND, tương ứng 16,67% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	74,965,389,601	47,372,051,020
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	34,194,405,934	26,197,715,211
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	17,774,037,019	12,651,230,681
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	1,035,101,618	1,001,582,223
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	10,244,430,855	7,496,643,305
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	39,990,240	24,879,600
Công ty CP vận tải biển An Biên	11,677,423,935	
Phải thu các khách hàng khác	210,342,275,631	186,623,265,835
OCEAN NETWORK EXPRESS PTE. LTD.,	19,737,898,575	13,243,810,412
Megatop Agency Limited	4,033,071,573	13,963,686,610
Công ty TNHH Hapag-Lloyd Việt Nam	22,312,256,144	36,860,121,573
CÔNG TY TNHH SCG INTERNATIONAL VIỆT NAM	2,340,440,600	5,960,580,133
Công Ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Đông Á	12,934,877,148	9,263,835,130
HMM CO., LTD	1,027,727,956	
APL Logistics Ltd	5,958,564,914	
Các khách hàng khác	141,997,438,721	107,331,231,977
Cộng	285,307,665,232	233,995,316,855

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Số cuối kỳ	Số đầu năm
------------	------------

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	189,099,042,935	209,432,319,623
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển HDT	1,169,242,200	677,391,000
KOCKS ARDEL KRBANBAU GMBH	968,081,320	
Huanghai Shipbuilding Co., Ltd.	181,201,024,800	119,698,860,000
FRESH SOUTH SHIPPING S.A.,		84,730,678,650
ISS MACHINERY SERVICES LIMITED	2,255,421,166	
Công ty cổ phần Unicovina		922,134,400
Công ty CP thiết kế xây dựng và đầu tư phát triển Minh Thịnh		553,083,500
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI VIỆT NAM		578,086,200
Các nhà cung cấp khác	3,505,273,449	2,272,085,873
Cộng	189,099,042,935	209,432,319,623

5. Phải về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho Ông Lê Phong Hiếu vay để nộp tiền thuế đất 1 lần cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác.

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	21,537,851,532		208,241,363	
Công ty TNHH đại lý và tiếp vận Hải An - Kết quả hoạt động BCC	1,688,432,162			
Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C - Kết quả hoạt động BCC	8,446,249,035			
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức – Kết quả hoạt động BCC (*)	846,260,188			
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà – Kết quả hoạt động BCC (*)	1,688,432,162			
Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên – Kết quả hoạt động BCC	8,611,048,931			
Các khoản chi hộ	257,429,054		208,241,363	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	178,622,695,885		154,452,298,566	
Lãi tiền gửi dự thu	30,453,973		10,726,028	
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án (*)	112,423,676,376		112,423,676,376	
Ký cược, ký quỹ	3,503,065,180		3,388,117,520	
Tạm ứng	821,743,600		519,212,754	
Tạm tính doanh thu	59,145,873,853		37,228,173,233	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2,697,882,903		882,392,655	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng	200,160,547,417	154,660,539,929
-------------	------------------------	------------------------

(*) Là khoản đặt cọc cho Ông Lê Phong Hiếu và Bà Đỗ Thị Hải Yến theo Hợp đồng đặt cọc số 01/HĐĐC ngày 06 tháng 12 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng đặt cọc số 01/PLHĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê còn lại với diện tích 310.507,9 m2 theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2019.

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	106,410,150,000			
Công ty CP vận tải biển An Biên - Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh	106,410,150,000			
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	74,000,000		74,000,000	
Ký cược, ký quỹ	74,000,000		74,000,000	
Cộng	106,484,150,000		74,000,000	

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan						
Các tổ chức và cá nhân khác		2,320,833,342	353,926,898	-	2,320,833,342	274,739,027
Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh - phải thu cung cấp dịch vụ	trên 3 năm	65,089,486		trên 3 năm	65,089,486	-
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia - phải thu cung cấp dịch vụ	trên 3 năm	99,744,126		trên 3 năm	99,744,126	-
Navigator Marine Corp	trên 3 năm	1,763,515,406	-	trên 3 năm	1,763,515,406	-
WAN HAI LINES LTD	Từ 6 tháng đến 1 năm	392,484,324	353,926,898		392,484,324	274,739,027
Cộng		2,320,833,342	353,926,898		2,320,833,342	274,739,027

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2,046,094,315	1,425,466,710
Trích lập dự phòng bổ sung		620,627,605
Hoàn nhập dự phòng	(79,187,871)	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giảm khác

Số cuối kỳ

1,966,906,444

2,046,094,315

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	85,195,751,274		48,346,039,722	
Công cụ, dụng cụ	134,672,321		73,594,545	
Cộng	85,330,423,595		48,419,634,267	

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm chờ phân bổ	3,235,473,660	2,560,918,059
Chi phí đầu nhòn	4,429,738,178	6,587,141,973
Công cụ dụng cụ	661,361,985	1,729,270,197
Chi phí nạo vét khu nước trước bến	3,852,028,571	-
Phí đường bộ	39,036,337	66,589,502
Chi phí thuê văn phòng	176,000,000	80,000,000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	24,154,849,781	1,045,667,177
Cộng	36,548,488,512	12,069,586,908

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lên đà tàu Hải An Park	2,830,926,558	4,954,121,472
Chi phí lên đà tàu Hải An Time	12,583,645,835	16,557,428,735
Chi phí lên đà tàu Hải An Bell	5,133,923,347	7,334,176,207
Chi phí lên đà tàu Hải An Link	4,408,759,821	6,443,580,044
Công cụ dụng cụ	8,057,950,162	7,112,198,116
Tiền thuê đất (*)	208,842,328,464	211,677,292,200
Chi phí trả trước dài hạn khác	596,453,839	733,180,240
Cộng	242,453,988,026	254,811,977,014

(*) Công ty TNHH Pan Hải An thuê đất diện tích 154.000 m² trong Khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Đình Vũ (nay đổi tên thành “Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ”) theo hợp đồng số 05.HĐTD/2017 ký ngày 25 tháng 10 năm 2017 để đầu tư xây dựng và kinh doanh kho bãi container cùng các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đầu tư, tổng giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10% là 235.301.990.000 VND, thời hạn thuê từ ngày ký hợp đồng đến ngày 06 tháng 5 năm 2059, tiền thuê đã được thanh toán toàn bộ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	462,658,926,412	338,467,189,989	1,259,875,966,898	4,819,478,262	39,535,244,218	2,105,356,805,779
Mua trong năm, đầu tư XDCB hoàn thành	220,784,323	11,068,969,978	573,160,238,372	339,700,000	128,500,000	584,918,192,673
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	462,879,710,735	349,536,159,967	1,833,036,205,270	5,159,178,262	39,663,744,218	2,690,274,998,452
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	168,212,477,564	263,108,443,131	361,690,272,563	3,095,351,506	16,393,341,425	812,499,886,189
Khấu hao trong năm	11,990,434,135	10,424,817,618	73,108,121,649	314,218,197	1,103,331,363	96,940,922,962
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	180,202,911,699	273,533,260,749	434,798,394,212	3,409,569,703	17,496,672,788	909,440,809,151
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	294,446,448,848	75,358,746,858	898,185,694,335	1,724,126,756	23,141,902,793	1,292,856,919,590
Số cuối kỳ	282,676,799,036	76,002,899,218	1,398,237,811,058	1,749,608,559	22,167,071,430	1,780,834,189,301

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Là các lô container 20' và 40' được Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (Công ty con) thuê mua.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	267,489,773,742	28,391,241,879	239,098,531,863
Thuê tài chính trong kỳ	171,690,348,993		171,690,348,993
Số khấu hao trong kỳ		33,040,693,294	(33,040,693,294)
Số cuối kỳ	<u>439,180,122,735</u>	<u>61,431,935,173</u>	<u>377,748,187,562</u>

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4,945,015,236	8,609,912,649	13,554,927,885
Mua trong năm	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>4,945,015,236</u>	<u>8,609,912,649</u>	<u>13,554,927,885</u>
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2,532,790,317	7,086,881,835	9,619,672,152
Khấu hao trong năm	70,643,076	182,708,368	253,351,444
Số cuối kỳ	<u>2,603,433,393</u>	<u>7,269,590,203</u>	<u>9,873,023,596</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2,412,224,919	1,523,030,814	3,935,255,733
Số cuối kỳ	<u>2,341,581,843</u>	<u>1,340,322,446</u>	<u>3,681,904,289</u>

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	670,996,106	578,962,244,550	(578,915,424,830)	-	717,815,826
Xây dựng cơ bản dở dang	5,897,963,333	8,063,109,956	-	(7,494,033,333)	6,467,039,956
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	450,263,341	-	-	450,263,341
Cộng	<u>6,568,959,439</u>	<u>587,475,617,847</u>	<u>(578,915,424,830)</u>	<u>(7,494,033,333)</u>	<u>7,635,119,123</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	24,711,596,507	7,525,661,426
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	2,616,759,971	1,863,480,983
Công ty cổ phần vận tải biển An Biên	2,337,334,549	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	315,292,069	270,939,931
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	6,730,278,114	92,433,209
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	71,565,000	80,000,000
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa Phương Thức	7,505,058,231	6,000,000
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	5,135,308,573	5,212,807,303
Phải trả các nhà cung cấp khác	108,352,710,134	71,336,249,980
Công ty liên doanh phát triển tiếp vận số 1 (Cảng VICT)	-	6,415,066,638
Triton Container International Limited-Colle	2,329,968,347	2,382,505,579
Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng	1,800,656,263	2,153,963,628
PT INDOFUELS LIMITED	26,693,316,589	14,464,525,500
BMS United Bunkers (Asia) Limited	8,984,831,898	6,342,354,557
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Vosco	3,606,706,256	3,455,587,110
Các nhà cung cấp khác	64,937,230,781	36,122,246,968
Cộng	133,064,306,641	78,861,911,406

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	8,595,951,526	763,856,819
SAMUDERA SHIPPING LINE LTD	7,126,629,180	-
CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN QUỐC TẾ CÁI MÉP	75,624,600	125,190,000
Các khách hàng khác	1,393,697,746	638,666,819
Cộng	8,595,951,526	763,856,819

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm		Số cuối kỳ
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2,647,456,820	50,567,672,166	(42,242,304,865)	10,972,824,121
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	46,843,028,355	150,699,748,636	(81,657,689,918)	115,885,087,073

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập cá nhân	3,650,332,835	6,515,446,186	(8,864,155,415)	1,301,623,606
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-
Tiền thuế đất	-	2,113,469,423	(2,113,469,423)	-
Các loại thuế khác	-	16,000,000	(16,000,000)	-
Cộng	53,140,818,010	209,912,336,411	(134,893,619,621)	128,159,534,800

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước cho thuê tàu chạy tuyến nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty mẹ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (từ năm 2011 đến năm 2025) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm (từ năm 2011 đến năm 2014), giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2023) theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6388338018 ngày 09 tháng 10 năm 2017 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp, Công ty TNHH Pan Hải An nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động dịch vụ kho bãi và lưu giữ, bốc xếp hàng hóa với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư mới có doanh thu (từ năm 2018 đến năm 2032), được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án đầu tư mới, trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế tính từ năm thứ tư (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033)

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	129,538,158,484	34,917,797,997
Thuế TNDN các bên hợp tác kinh doanh nộp hộ	(1,308,546,152)	-
Thuế TNDN phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	22,470,136,304	4,806,120,264
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	150,699,748,636	39,723,918,261

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	32,638,000,102	28,861,733,938
Chi hoạt động cảng	-	393,116,600
Chi phí khai thác tàu	27,421,239,266	15,376,178,735
Chi phí lãi vay phải trả	3,593,561,521	5,105,804,976
Chi phí mua dầu	-	6,946,771,324
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1,623,199,315	1,039,862,303
Cộng	32,638,000,102	28,861,733,938

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	105,776,101,421	84,244,081,605
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - lãi hợp tác kinh doanh	32,446,532,230	24,595,363,747
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An - lãi hợp tác kinh doanh	21,861,408,082	18,293,273,985
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà - lãi hợp tác kinh doanh	40,619,847,699	33,444,520,989
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An -lãi hợp tác kinh doanh	10,368,313,410	7,430,922,884
Thù lao HĐQT, BKS	480,000,000	480,000,000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	45,130,001,538	58,571,359,570
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	31,313,595,940	51,225,520,935
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6,298,400,000	5,531,000,000
Kinh phí công đoàn	367,103,239	430,315,551
BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	43,253,340	12,171,310
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1,981,540,900	644,253,900
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5,126,108,119	728,097,874
Cộng	150,906,102,959	142,815,441,175

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	141,000,000,000	126,000,000,000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - phải trả về góp vốn BCC	40,000,000,000	37,000,000,000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An- phải trả về góp vốn BCC	35,000,000,000	29,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà - phải trả về góp vốn BCC	56,000,000,000	50,000,000,000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An - phải trả về góp vốn BCC	10,000,000,000	10,000,000,000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	70,000,000,000	25,000,000,000
Công ty Cổ phần đầu tư Sao Á D.C	50,000,000,000	18,000,000,000
Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên	20,000,000,000	7,000,000,000
Cộng	211,000,000,000	151,000,000,000

Là khoản phải trả các bên về vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh sau:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017 về hợp tác góp vốn kinh đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Công ty con (“bên kiểm soát”) và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời gian hợp tác là 05 năm kể từ ngày được đại diện theo ủy quyền đầy đủ của các bên ký hợp đồng.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD ngày 08 tháng 5 năm 2019 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty mẹ là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời gian hợp tác là 05 năm kể từ ngày được đại diện theo ủy quyền đầy đủ của các bên ký hợp đồng.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 68/HĐHTKD về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty mẹ là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0101-2021/HĐHTKD ngày 11 tháng 01 năm 2021 về hợp tác góp vốn kinh đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Công ty con (“bên kiểm soát”) và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời gian hợp tác là 05 năm kể từ ngày được đại diện theo ủy quyền đầy đủ của các bên ký hợp đồng.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02-2021/HĐHTKD về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty mẹ là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

- Hợp đồng BCC số 03-2021 HĐHTKD ngày 25 tháng 11 năm 2021 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty mẹ là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	23,807,736,526	56,358,887,069
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng	-	10,000,000,000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	23,807,736,526	46,358,887,069
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	154,439,239,515	123,988,544,035
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	10,063,160,000	10,063,160,000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	132,804,537,665	102,592,228,985
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1	2,209,541,850	2,165,155,050
Pantos Holdings Inc	9,362,000,000	9,168,000,000
<i>Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả</i>	90,910,769,942	53,461,846,014
Công ty BEACON INTERMODAL LEASING	30,012,748,692	15,614,450,009
CAI INTERNATIONAL, INC	13,464,850,141	12,442,203,294
SEACUBE CONTAINERS	13,441,853,832	12,405,791,623
SEACO GLOBAL LIMITED	14,167,171,484	12,999,401,088
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Á D.C	19,824,145,793	
Cộng	269,157,745,983	233,809,277,118

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	56,358,887,069	123,988,544,035	53,461,846,014	233,809,277,118
Số tiền vay phát sinh	26,819,686,526	-	19,824,145,793	46,643,832,319

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

trong năm

Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	94,783,618,612	41,073,845,200	135,857,463,812
Số tiền vay đã trả trong năm	(59,370,837,069)	(64,490,933,141)	(23,581,084,796)	(147,442,855,006)
Tăng giảm cho chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	23,136,856	133,215,978	156,352,834
Tăng giảm cho chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ	-	134,873,153	(1,198,247)	133,674,906
Số cuối kỳ		23,807,736,526	154,439,239,515	90,910,769,942
		269,157,745,983		

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	616,148,880,207	369,116,183,039
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội Sở chính (i)	20,126,310,000	25,157,890,000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (ii)	576,745,742,057	314,829,098,689
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 (iii)	552,828,150	1,625,194,350
Pantos Holdings Inc	18,724,000,000	27,504,000,000
<i>Nợ thuê tài chính dài hạn</i>	291,441,983,931	189,595,365,616
BEACON INTERMODAL LEASING	95,809,202,115	48,373,240,582
CAI INTERNATIONAL, INC	39,132,228,091	46,363,300,722
SEACO GLOBAL LIMITED	42,458,627,606	49,674,148,775
SEACUBE CONTAINERS	38,033,578,139	45,184,675,537
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Á D.C	76,008,347,980	
Cộng	907,590,864,138	558,711,548,655

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Vay ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo hợp đồng cấp tín dụng trung dài hạn 0056-2020-HDDTD-BVB007 ngày 17/07/2020 để đầu tư dự án tàu container Stellar Willemstadt thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả theo tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu Hai An View.
- (v) Vay không có tài sản đảm bảo Pantos Holding Incorporation theo Hợp đồng vay số 01/HĐVV/PANTOS-PANHAIAN ngày 06/03/2020 với số tiền 2.000.000 USD; để bổ sung vốn thực hiện giai đoạn II của Dự án Trung tâm Logistics Pantos - Hải An với lãi suất cố định 5%/năm. Thời hạn khoản vay là 05 năm kể từ ngày đầu tiên nhận khoản vay.
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 2016/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 06 tháng 9 năm 2016 để đầu tư hệ thống 10 xe chở Container, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, không ân hạn. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15/10/2018, mục đích vay tài trợ cho việc thực hiện Dự án đầu tư tàu container Sinar Brani, thời hạn cho vay là 60 tháng (5 năm) kể từ ngày tiếp theo của Ngày Giải ngân Vốn vay lần đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, thời hạn trả nợ là 19 kỳ (mỗi kỳ 3 tháng), kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/ lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu Hải An Link.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn 01.2019/HĐCV/VCB-HAIAN ngày 29/05/2019 để đầu tư dự án tàu container VNL Ruby (HaiAn Mind); thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/ lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp gồm: 02 xe nâng nhãn hiệu PPM Terex, cần trục chân đế Kirov Ardel GMBH, 5 đầu kéo và 5 sômi romooc, tàu Hải An Link và tàu VNL Ruby.
 - Vay để thực hiện Dự án đầu tư tàu container do bên vay làm chủ đầu tư với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là Tàu Container HaiAn Bell.
 - Hợp đồng tín dụng dự án đầu tư tàu container HaiAn Time số 2015/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 22/9/2015 với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn cho vay đến ngày 22/09/2020. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp tài sản sau đầu tư.
 - Vay để thực hiện Dự án đầu tư tàu container do bên vay làm chủ đầu tư với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là Tàu Container HaiAn East.
 - Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 01.2021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 09/04/2021 để đầu tư Dự án tàu container Hansa Cloppenburg (HaiAn West); thời hạn vay 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Gốc và lãi vay trả 3 tháng/lần. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản thế chấp còn hiệu lực tại VCB và tàu HaiAn West được hình thành.
 - Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 02.2021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 19/05/2021 để đầu tư 02 xe nâng Karmal (H14+15); thời hạn vay 60 tháng. Gốc và lãi vay trả 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp tài sản sau đầu tư.
 - Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư tàu Container MARINE BIA số 01.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 25/03/2022, số tiền vay tối đa là 341.950.000 VND, thời hạn vay 60 tháng (5 năm) kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên là ngày 25/03/2022. Nợ gốc và lãi được thanh toán 3 tháng /lần, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 25/09/2022. Khoản vay được bảo đảm bằng tàu HAIAN CITY.
 - Hợp đồng vay số 01/2018/VCB-PANHAIAN ngày 12/09/2018 để thực hiện Dự án Logistics Pantos- Hải An số tiền vay tối đa là 300 tỷ đồng, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai thuộc Dự án (bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc, thiết bị/ xe máy chuyên dùng, phương tiện vận tải).
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch 1 theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cấp tín dụng số 66755.15.002.2486868.TD ngày 25 tháng 10 năm 2015 để thanh toán LC nhập khẩu 2 máy nâng container trục xoay, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng máy móc thiết bị hình thành sau đầu tư.
 - Hợp đồng cấp tín dụng số 88928.16.002.2486868.TD ngày 07 tháng 12 năm 2015 để bổ sung nhu cầu vốn trung hạn để nhập container với lãi suất được quy định tại văn bản nhận nợ, thời hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vay tối đa 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản là 400 container các loại của Công ty

- Hợp đồng vay để đầu tư 01 tàu biển Container với lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 03 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- (iv) Thuê tài chính Công ty Beacon Intermodal Leasing LLC theo hợp đồng Lease Schedule No. HCT-002 ngày 01/11/2019 để thực hiện Dự án Thuê mua Tài chính TSCĐ hữu hình lô 300 container 40HC (với tổng giá trị thuê 05 năm từ ngày 01 tháng 02 năm 2020 là 1.090.719 USD tương đương 25.419.206.295 VND). Thời hạn thuê 60 tháng kể từ 01/02/2020. Hợp đồng số HCT-003 ký ngày 14/04/2021, 300cont 40 HC thời hạn 5 năm, thời gian thuê từ ngày 1/08/2021 giá trị 52.729.895.933 tương đương 2.306.645 USD. Kết thúc thời hạn thuê, Công ty sẽ mua lại toàn bộ lô 300 container 40HC của bên cho thuê với giá 1USD/cont.

Thuê tài chính Công ty Seacube container LLC theo hợp đồng Lease Schedule No. HATS001 ngày 12/11/2020 để thực hiện Dự án Thuê mua Tài chính TSCĐ hữu hình lô 300 container 40HC và 300 container 20HC (với tổng giá trị thuê 05 năm từ ngày 01 tháng 07 năm 2021 là 2.683.779 USD tương đương 61.351.197.349 VND). Thời hạn thuê 60 tháng kể từ 01/07/2021. Kết thúc thời hạn thuê, Công ty sẽ mua lại toàn bộ lô 600 container 40HC và 20HC của bên cho thuê với giá 1USD/cont.

Thuê tài chính Công ty Conatiner Applications Limited theo hợp đồng Lease Schedule No. HAIN-550 ngày 12/05/2021 để thực hiện Dự án Thuê mua Tài chính TSCĐ hữu hình lô 300 container 20HC và 200 container 40HC (với tổng giá trị thuê 05 năm từ ngày 01 tháng 04 năm 2021 là 2.714.387 USD tương đương 62.005.833.117 VND). Thời hạn thuê 60 tháng kể từ 01/07/2021. Kết thúc thời hạn thuê, Công ty sẽ mua lại toàn bộ lô 500 container 40HC và 20HC của bên cho thuê với giá 1USD/cont.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	245,350,009,457	177,450,390,049
Trên 1 năm đến 5 năm	876,706,493,958	515,803,178,475
Trên 5 năm	30,884,370,180	42,908,370,180
Cộng	<u>1,152,940,873,595</u>	<u>736,161,938,704</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Vay dài hạn các tổ chức khác</u>	<u>Vay dài hạn ngân hàng</u>	<u>Nợ thuê tài chính</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	27,504,000,000	341,612,183,039	189,595,365,616	558,711,548,655
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-	340,213,500,000	171,690,348,993	511,903,848,993
Số tiền vay đã trả trong kỳ	-	-	(15,134,228,324)	(15,134,228,324)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(9,168,000,000)	(84,795,827,472)	(54,728,021,688)	(148,691,849,160)
CLTG đánh giá lại cuối kỳ	388,000,000	395,024,640	18,519,334	801,543,974
Số cuối năm	<u>18,724,000,000</u>	<u>597,424,880,207</u>	<u>291,441,983,931</u>	<u>907,590,864,138</u>

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến tiền bồi thường hàng hỏng.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng phúc lợi	23,415,895,850	27,449,691,871	(1,680,000,000)	49,185,587,721
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	12,390,244,434	12,347,000,000	(3,620,000,000)	21,117,244,434
Cộng	35,806,140,284	39,796,691,871	(5,300,000,000)	70,302,832,155

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	487,827,510,000	115,606,612,922	(22,905,485,178)	235,778,070,809	252,444,167,284	267,045,737,339	1,335,796,613,176
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (*)	-	-	-	-	-	-	-
Bán cổ phiếu quỹ	-	76,034,035,237	22,905,485,178	-	-	-	98,939,520,415
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	445,513,497,100	105,101,858,363	550,615,355,463
Trích lập các quỹ	-	-	-	44,714,314,808	(58,803,777,770)	(2,039,265,675)	(16,128,728,637)
Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	-	(47,392,798,000)	(19,800,000,000)	(67,192,798,000)
Số dư cuối năm trước	487,827,510,000	191,640,648,159	-	280,492,385,617	591,761,088,614	350,308,330,027	1,902,029,962,417
Số dư đầu năm nay	487,827,510,000	191,640,648,159	-	280,492,385,617	591,761,088,614	350,308,330,027	1,902,029,962,417
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	195,130,660,000	-	-	-	(195,130,660,000)	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	439,634,539,864	147,469,306,444	587,103,846,308
Điều chỉnh LN năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	110,056,396,973	(144,414,676,368)	(5,438,412,476)	(39,796,691,871)
Cổ tức phải trả bằng tiền	-	-	-	-	(48,782,751,000)	(19,800,000,000)	(68,582,751,000)
Số dư cuối kỳ	682,958,170,000	191,640,648,159	-	390,548,782,590	643,067,541,110	472,539,223,995	2,380,754,365,854

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23b. Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của chủ sở hữu	682,958,170,000	487,827,510,000
Thặng dư vốn cổ phần	191,640,648,159	191,640,648,159
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cộng	874,598,818,159	679,468,158,159

23c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	68,295,817	48,782,751
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	68,295,817	48,782,751
- Cổ phiếu phổ thông	68,295,817	48,782,751
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	68,295,817	48,782,751
- Cổ phiếu phổ thông	68,295,817	48,782,751
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 0203-2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền	: 48,782,751,000
• Chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu	: 195,130,660,000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 82,315,000,000
• Trích quỹ Hội đồng quản trị	: 12,347,000,000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 16,463,000,000

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	9,972,459.58	2,086,378.02
Euro (EUR)	274.53	290.91

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	93,633,371,399	79,589,963,509
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	930,574,114,685	442,433,518,718
Doanh thu hoạt động khác	81,321,803,245	53,592,282,585
Loại trừ nội bộ	(176,308,281,189)	(126,348,956,237)
Cộng	929,221,008,140	449,266,808,575

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác cảng, khai thác tàu và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	3,191,641,814	3,049,050,425
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	30,539,118,219	24,653,090,626
Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh	197,059,548	24,839,850
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An (HAGS)	97,156,548	103,389,566
Công ty cổ phần Logistics New Way	398,849,583	
Công ty Cổ phần container Việt Nam	4,732,122,583	

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động cảng	51,674,535,800	47,375,349,943
Giá vốn của hoạt động tàu	564,578,014,155	348,098,051,216
Giá vốn hoạt động khác	54,279,442,536	39,127,418,249
Loại trừ nội bộ	(175,326,767,448)	(126,463,350,643)
Cộng	495,205,225,043	308,137,468,765

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	4,004,082,336	1,428,214,721
Lãi tiền cho vay	2,722,191,781	451,705,479
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4,545,800,000	2,622,000,000
Lãi chuyển nhượng công ty liên kết	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3,345,550,640	2,197,362,021
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1,148,379,839	123,707,496
Cộng	15,766,004,596	6,822,989,717

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Chi phí lãi vay	14,362,524,315	8,310,138,182
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	297,274,304	86,381,113
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	509,566,113	916,367
Cộng	15,169,364,732	8,397,435,662

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	19,079,012,624	12,848,620,606
Chi phí vật liệu quản lý	500,268,214	343,661,161
Chi phí đồ dùng văn phòng	742,604,304	422,958,839
Chi phí khấu hao tài sản cố định	514,977,963	587,735,537
Thuế, phí và lệ phí	31,633,884	19,570,362
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(79,187,871)	524,692,569
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,540,813,749	2,826,085,232
Các chi phí khác	4,306,756,035	5,821,403,342
Cộng	27,636,878,902	23,394,727,648

6. Thu nhập khác

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	(1,099,510,797)
Xử lý công nợ	69,025,812	-
Thu nhập khác	48,804,666	271,513,772
Cộng	117,830,478	(827,997,025)

7. Chi phí khác

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	361,830,589
Chi khác phục tổn thất tàu	18,565,813,050	-
Chi ủng hộ	-	2,000,000,000
Phạm vi phạm hành chính	70,000,000	-
Xử lý công nợ	76,574,893	8,767,266
Chi phí khác	515,860,877	5,550
Cộng	19,228,248,820	2,370,603,405

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	439,634,539,864	149,142,664,614
Trích quỹ khen thưởng, quỹ HDQT (i)	(20,723,000,000)	(14,405,000,000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	418,911,539,864	134,737,664,614
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	68,295,757	47,392,798

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

6,134

2,843

- (i) Quỹ khen thưởng, quỹ Hội đồng quản trị năm 2022 được tạm tính bằng tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, quỹ HĐQT theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 18 tháng 3 năm 2022 (7%) trên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ.

Quỹ khen thưởng, quỹ Hội đồng quản trị năm trước được tính lại theo số thực tế trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 18 tháng 3 năm 2022. Do vậy sẽ có sự chênh lệch so với số liệu cùng kỳ năm trước.

Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	48,782,751	47,392,798
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng 19.513.066 cổ phiếu phổ thông	19,513,006	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	68,295,757	47,392,798

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	274,566,659,886	212,808,129,262
Chi phí nhân công	103,622,194,052	74,611,689,459
Chi phí khấu hao tài sản cố định	122,778,294,259	68,033,896,378
Chi phí dịch vụ mua ngoài	285,466,140,735	170,687,191,484
Chi phí khác	72,506,146,039	84,343,089,123
Cộng	858,939,434,971	610,483,995,706

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, phụ cấp	7,059,759,864	4,629,711,326
Cộng	7,059,759,864	4,629,711,326

Kỳ này	<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Tiền thưởng</u>	<u>Cộng</u>
Ông Vũ Ngọc Sơn – Chủ tịch HĐQT	846,369,231	60,000,000	1,066,955,324	1,973,324,555
Ông Vũ Thanh Hải – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	585,900,000	60,000,000	756,296,174	1,402,196,174
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	431,400,000	60,000,000	479,875,000	971,275,000
Ông Trần Quang Tiến - Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc		60,000,000	90,000,000	150,000,000
Ông Phạm Quang Khánh - Phó Tổng Giám đốc	318,900,000		318,710,121	637,610,121
Ông Vũ Doãn Hạnh - Phó Tổng Giám đốc	366,160,000		297,515,737	663,675,737
Ông Trần Tiến Dũng - Phó Tổng Giám đốc	314,400,000		84,965,277	399,365,277
Bà Trần Thị Hải Yến - Thành viên HĐQT		60,000,000	90,000,000	150,000,000
Bà Nguyễn Thị Vân- Thành viên HĐQT	223,450,000	60,000,000	212,863,000	496,313,000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Trưởng Ban kiểm soát		30,000,000	54,000,000	84,000,000
Bà Trần Thị Thơm - Thành viên Ban kiểm soát		30,000,000	36,000,000	66,000,000
Ông Nguyễn Xuân Lộc - Thành viên Ban kiểm soát		30,000,000	36,000,000	66,000,000
Cộng	3,086,579,231	450,000,000	3,523,180,633	7,059,759,864

Kỳ trước	<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Tiền thưởng</u>	<u>Cộng</u>
Ông Vũ Ngọc Sơn – Chủ tịch HĐQT	684,830,772	36,000,000	853,463,125	1,574,293,897
Ông Vũ Thanh Hải – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	456,500,000	36,000,000	597,355,936	1,089,855,936
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	291,919,500	36,000,000	288,440,000	616,359,500
Ông Trần Quang Tiến - Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	308,420,000	36,000,000	272,281,993	616,701,993
Bà Trần Thị Hải Yến - Thành viên HĐQT		36,000,000	60,000,000	96,000,000
Bà Nguyễn Thị Vân- Thành viên HĐQT	256,100,000	36,000,000	206,400,000	498,500,000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Trưởng Ban kiểm soát		18,000,000	36,000,000	54,000,000
Bà Trần Thị Thơm - Thành viên Ban kiểm soát		18,000,000	24,000,000	42,000,000
Ông Nguyễn Xuân Lộc - Thành viên Ban kiểm soát		18,000,000	24,000,000	42,000,000
Cộng	1,997,770,272	270,000,000	2,361,941,054	4,629,711,326

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1a. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd.	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Hải Minh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần container Việt Nam	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2a cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Trả cổ tức	5,567,500,000	5,567,500,000
Chi phí thuê văn phòng	1,808,061,286	1,671,358,803
HACT sử dụng dịch vụ tư vấn		-
Nhận vốn góp BCC	6,000,000,000	16,000,000,000
Trả lại vốn góp BCC		
Chia lợi nhuận BCC	33,444,520,992	5,337,853,127
Công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp Hải An (HAGS)		
Công ty liên kết cung cấp dịch vụ	3,854,112,700	2,536,526,674
Công ty Cổ phần cung ứng thuyền viên Đông Đô		
Công ty liên kết cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		
Trả cổ tức	1,722,060,000	1,722,060,000
Nhận vốn góp BCC	3,000,000,000	5,000,000,000
Trả góp vốn BCC		-
HACT chia lợi nhuận	5,200,000,000	5,200,000,000
Chia lợi nhuận BCC	24,595,363,747	4,118,475,525
HACT sử dụng dịch vụ đại lý	15,198,777,405	9,314,158,862

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nhận chia lãi		-
Lãi cho vay	84,821,917	
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng		
Sử dụng dịch vụ cty liên kết		-
HACT sử dụng dịch vụ đại lý	173,152,781	187,272,726
Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh		
HATS sử dụng dịch vụ	43,636,367	40,909,090
Chi phí vận chuyển đường bộ	17,419,634,593	7,858,290,902

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.6a, V.14, V.18.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Loại trừ nội bộ	Cộng
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	167,460,729,776	1,566,172,337,285	153,603,403,792	(305,564,259,677)	1,581,672,211,176
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	167,460,729,776	1,566,172,337,285	153,603,403,792	(305,564,259,677)	1,581,672,211,176
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	74,464,991,740	646,529,934,371	54,868,287,855	(1,867,363,432)	773,995,850,534

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(51,263,074,329)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					722,732,776,205
Doanh thu hoạt động tài chính					19,596,506,103
Chi phí tài chính					(24,688,041,266)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					17,959,513,125
Thu nhập khác					320,039,769
Chi phí khác					(19,278,789,144)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(129,538,158,484)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					587,103,846,308
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	4,242,247,778	576,565,266,535	454,006,000	-	581,261,520,313
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	44,665,133,523	80,810,897,152	17,559,125,831		143,035,156,506
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)					
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	153,021,041,724	759,717,491,727	102,824,232,996	(207,289,639,177)	808,273,127,270
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	153,021,041,724	759,717,491,727	102,824,232,996	(207,289,639,177)	808,273,127,270
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	64,137,972,959	148,420,430,352	27,142,676,032	-1,801,188,272	237,899,891,071

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(40,110,759,507)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				197,789,131,564
Doanh thu hoạt động tài chính				10,567,461,270
Chi phí tài chính				(14,887,954,193)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết				5,824,060,858
Thu nhập khác				21,196,338,332
Chi phí khác				(2,374,140,631)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(34,917,797,997)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				183,197,099,203
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	6,909,175,391	392,754,973,230	5,914,734,993	405,578,883,614
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	12,206,453,654	61,325,319,474	15,611,341,967	89,143,115,095
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	170,805,743,440	2,508,263,652,143	525,965,871,334	3,205,035,266,917
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1,130,630,954,314
Tổng tài sản				4,335,666,221,231
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	14,924,335,407	1,374,548,911,844	352,623,278,256	1,742,096,525,507

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

HATS	14,924,335,407	943,650,195,639	56,327,962,430	
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				212,815,329,870
Tổng nợ phải trả				1,954,911,855,377
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	188,351,769,721	1,879,832,234,122	497,264,264,955	2,565,448,268,798
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				666,897,105,173
Tổng tài sản				3,232,345,373,971
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	15,025,115,708	920,014,451,724	315,923,164,151	1,250,962,731,583
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				79,352,679,971
Tổng nợ phải trả				1,330,315,411,554

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2022

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải